

Số: 763/NĐTW-VTTBYT
V/v Mời chào giá Vật tư y tế tiêu hao

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói Mua sắm vật tư y tế tiêu hao 2025 - 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: *Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương, Thôn Bàu, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội.*

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

ThS. Bùi Văn Tấn, Phó trưởng phòng Vật tư - Thiết bị y tế, Số điện thoại: 098.693.1071, email: vattu_yte@nhtd.vn.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- *Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư - Thiết bị y tế - Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương, Thôn Bàu, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội.*

- *Nhận qua email: vattu_yte@nhtd.vn.*

** Lưu ý: Đơn vị cung cấp báo giá qua email vẫn phải gửi bản gốc báo giá đến địa chỉ tiếp nhận báo giá trực tiếp.*

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 04 tháng 07 năm 2025 đến trước 17h ngày 15 tháng 07 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 04 tháng 07 năm 2025

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh sách Vật tư y tế tiêu hao, bao gồm: *(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*



2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản vật tư y tế tiêu hao:

- Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương
- Yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 540 ngày (18 tháng) .

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không.
- Thanh toán: Tùy theo nhu cầu sử dụng, hàng tháng chủ đầu tư sẽ thông báo danh mục vật tư và số lượng cụ thể cho nhà thầu (được thể hiện qua số lượng thực tế hoặc biên bản giao nhận hàng hóa) và chủ đầu tư sẽ thanh quyết toán cho nhà thầu theo số lượng thực tế.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, VTTB.



Phạm Ngọc Thạch





BỘ Y TẾ

BỆNH VIỆN BỆNH NHIỆT ĐỚI TRUNG ƯƠNG

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Tên mặt hàng	Đơn vị tính	QC đóng gói	SL thầu	Chỉ tiêu kỹ thuật	Ghi Chú
1	Dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài kèm catheter dẫn lưu não thất	Cái	1 cái/hộp	200	- Catheter não thất trong suốt dài 35 cm (± 0.5cm), đường kính trong 1.5 mm (± 0.1mm), đường kính ngoài 2.8 mm (± 0.1mm) - Có màng lọc kị nước ở phía trên ống đong có tác dụng lọc vi khuẩn và tránh bị ảnh hưởng khi dịch trong ống bị nghiêng trong quá trình vận hành. - Có vị trí để lấy dịch não tủy đi xét nghiệm và vị trí để tiêm thuốc, hóa chất vào não thất khi cần. - Bình chứa dịch tạm 50 ml (± 0.5ml). Túi chứa dịch 700 ml (± 2ml) - Có Khóa hệ thống chính với vị trí gắn bộ chuyển đổi, khóa có 4 vị trí "Off" - Thang đo áp lực dòng chảy đảm bảo cho dịch chảy đúng áp suất yêu cầu, hỗ trợ việc theo dõi áp suất não. Bảng đo áp lực có kích thước 130mm x 640mm (± 5mm). - Có một túi chứa dịch thoát ra có thể tháo rời với các vạch chia độ thể tích và lỗ thông khí rào cản vi sinh vật - Có hai kẹp trượt trên đường thoát nước để theo dõi dòng chảy và lấy mẫu - Có đầy đủ các dụng cụ hỗ trợ gồm: trocar, các loại khóa catheter, các dụng cụ kết nối, dụng cụ cố định catheter và có hướng dẫn sử dụng (ở trên tấm bảng)	
2	Bộ dẫn lưu dịch não tủy não thất - ổ bụng	Cái	1 cái/hộp	200	- Cấu tạo gồm các bộ phận: cổng kết nối với catheter, khoang chứa dịch, van áp lực cố định, khoang kiểm soát hiện tượng siphon. - Van có kích thước: loại nhỏ 36mm x 13mm x 6mm (± 0.5mm) hoặc trung bình: 40mm x 16,5mm x 8mm (± 0.5mm), với mức áp lực 1, 1.5, 2.0 (tương ứng áp lực thấp, trung bình, cao) - Catheter não thất dài 23 cm (± 1cm), đường kính trong 1.3 mm (± 0.1 mm), đường kính ngoài 2.5 mm (± 0.1 mm) - Catheter ổ bụng dài 90 cm (± 3 cm), đường kính trong 1.3 mm (± 0.1	

					mm), đường kính ngoài 2.5 mm($\pm$ 0.1 mm) - Catheter phủ Barium hoặc tương đương giúp nhìn rõ hình ảnh trên phim X-quang - Màng silicone đàn hồi hoặc tương đương ở phía trên cho phép chọc kim qua da để lấy dịch não tủy, phía dưới là chất liệu polypropylene hoặc tương đương. - Có khoang kiểm soát hiện tượng siphon cho phép bệnh nhân duy trì được áp lực nội sọ mà không bị ảnh hưởng bởi tốc độ dòng chảy của dịch não tủy hay tư thế của bệnh nhân.	
3	Que luồn dưới da, các cỡ	Cái	1 cái/hộp	40	Que luồn dưới da bao gồm 3 thành phần: một trục hình ống; tay cầm chữ T; và một thanh bịt đầu mũi hình viên đạn. - Có 2 loại trục hình ống tùy chọn: + Trục hình ống với chiều dài 60 cm($\pm$ 0.5cm) phù hợp với hầu hết các ca đặt dẫn lưu não thất ổ bụng, + Trục hình ống với chiều dài 38 cm ($\pm$ 0.5cm) phù hợp với đặt dẫn lưu não thất ổ bụng ở trẻ em hoặc dẫn lưu thất lưng ổ bụng- Dụng cụ được thiết kế để tạo đường hầm dưới da dễ uốn để đưa catheter (ống thông) của bộ dẫn lưu dịch não tủy. Trục hình ống có thể uốn được bằng tay - Đường kính trong 3.3mm($\pm$ 0.2mm); đường kính ngoài 4.8mm($\pm$ 0.2mm)- Dụng cụ được đóng gói trong bao bì và đã được tiệt trùng	
4	Bộ dẫn lưu não thất ra ngoài kèm Catheter não thất	Bộ	1 bộ/hộp	80	- Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài, có 2 vị trí cố định: gắn và treo trên cây truyền dịch - Có 4 thang đo áp lực có thể xoay được, có 2 chỉ số đo là mm of Hg hoặc cm of H ₂ O với số lớn và dễ đọc - Buồng nhỏ giọt 75ml ($\pm$ 3 ml), kèm bộ phận (kính lúp) hỗ trợ theo dõi dòng chảy dễ dàng - Có 2 cổng kết nối giúp lấy dịch và bơm thuốc dễ dàng - Túi chứa dịch 600 ml($\pm$ 5 ml) - Kèm catheter não thất phủ barium hoặc tương đương dài 35cm ($\pm$ 2 cm), đường kính trong 1.5mm ($\pm$ 0.1 mm) và đường kính ngoài 2.8mm($\pm$ 0.1 mm), kích thước lỗ dòng chảy là 1.1mm($\pm$ 0.05 mm) - Dây dẫn dịch chiều dài 60" ($\pm$ 0.5"). - Bộ phận Hydrophobic Vent kháng vi khuẩn.	

5	Bộ dẫn lưu ra ngoài kèm Catheter thắt lưng	Bộ	Bộ / hộp	80	- Bộ dẫn lưu và theo dõi dịch não tủy Duet dùng trong phẫu thuật dẫn lưu dịch não tủy từ thắt lưng ra ngoài có thể treo hoặc gắn vào giá đỡ bằng kẹp tích hợp. - Ống nối với bệnh nhân chiều dài 60" (± 0.5"). - Có thấu kính phóng đại phía trước buồng nhỏ giọt. - Buồng nhỏ giọt 75ml(± 3 ml). - Buồng chứa dịch 600ml(± 5 ml) có thể tháo rời. - Thang đo áp lực có thể xoay để lựa chọn giữa dẫn lưu não tủy và dẫn lưu thắt lưng, có 2 chỉ số đo là mm of Hg hoặc cm of H2O với số lớn và dễ đọc - Có 2 vị trí tiêm loại Interlink hoặc tương đương không cần kim. - Hệ thống khóa chính gắn với bộ chuyển đổi áp suất bên ngoài. - Bộ phận Hydrophobic Vent kháng vi khuẩn. - Catheter thắt lưng dài 80cm (± 5cm), đường kính trong 0.7mm(± 0.05 mm), đường kính ngoài 1.5mm(± 0.1 mm), dung tích bên trong 0.308ml(± 0.005 ml), đầu tip đóng.	
6	Lưới vá sọ TiMesh cỡ 77x113mm	Cái	1 cái/ gói	20	- Vật liệu Titanium ASTM chuẩn F-67 (CP3 - Commercially Pure 3) hoặc tương đương. - Cấu trúc 3D, ôm trọn tối ưu các hộp sọ, kích thước: Dài 113mm (± 0.5 mm), Rộng 77mm(± 0.5 mm), Đường kính lỗ lưới tương thích với vít 1.5/1.6mm, lỗ bắt vít chìm. Độ dày lưới 0.6 mm (± 0.05 mm). - Độ lệch hướng so với cổng vào của hệ thống GE signa 3T MR nhỏ hơn 1°.	
7	Lưới vá sọ TiMesh cỡ 148x148mm	Cái	1 cái/ gói	40	- Vật liệu Titanium ASTM chuẩn F-67 (CP3 - Commercially Pure 3) hoặc tương đương. - Cấu trúc 3D, ôm trọn tối ưu các hộp sọ, kích thước: Dài 148 mm(± 0.5 mm), Rộng 148mm(± 0.5 mm), Đường kính lỗ lưới tương thích với vít 1.5/1.6mm, lỗ bắt vít chìm. Độ dày lưới 0.6 mm(± 0.05 mm).- Độ lệch hướng so với cổng vào của hệ thống GE signa 3T MR nhỏ hơn 1°.	

8	Nẹp xương sọ hình tròn dùng vít 1.6mm các loại	Cái	1 cái/gói	200	- Nẹp tròn có dạng cánh quạt 6 lỗ - Đường kính nẹp: Có 2 cỡ tùy chọn 14mm và 18 mm - Vật liệu: titanium (ASTM F-67) CP1 và CP3 hoặc tương đương - Sử dụng vít 1.6mm (± 0.05 mm)	
9	Vít dùng cố định lưới và sọ não tự khoan đường kính 1.6 mm	Cái	6 cái/gói	1.500	- Vật liệu là ASTM F-136 (Ti-6Al-4V ELI) hoặc tương đương - Đường kính: 1.6mm(± 0.05 mm), chiều dài vít: 4mm(± 0.3 mm) - Vít tự khoan - Đầu vít hình chữ thập, đường kính đầu vít 2.7mm(± 0.2 mm), chiều cao đầu vít 0.94mm(± 0.02 mm), góc vít chìm tương thích với nẹp và lưới có đường kính lỗ vít 1.5mm/1.6mm. Kiểu ren đơn với bước ren 0.97mm (± 0.02 mm) - Độ lệch hướng so với cổng vào của hệ thống GE signa 3T MR nhỏ hơn 1°	
10	Nẹp Mini thẳng 20 lỗ	Cái	1 Cái/Túi	50	Nẹp Mini thẳng 20 lỗ, chất liệu Titanium ASTM F67 hoặc tương đương, dày 1.0mm(± 0.02 mm), dài 109mm(± 5 mm), rộng 4.5mm(± 0.05 mm), khoảng cách 2 lỗ bắt vít 5.5mm(± 0.05 mm), dùng với vít đường kính 2.0mm(± 0.05 mm).	
11	Nẹp Mini thẳng 18 lỗ	Cái	1 Cái/Túi	30	Nẹp Mini thẳng 18 lỗ, chất liệu Titanium ASTM F67 hoặc tương đương, dày 1.0mm(± 0.02 mm), dài 98mm(± 3 mm), rộng 4.5mm(± 0.05 mm), khoảng cách 2 lỗ bắt vít 5.5mm (± 0.05 mm), dùng với vít đường kính 2.0mm (± 0.05 mm).	
12	Vít xương Mini đường kính 2.0mm, dài 6mm	Cái	10 Cái/Túi	500	Vít hàm mặt tự taro. chất liệu Titanium ASTM F136 hoặc tương đương, đường kính mũ vít 3.0mm(± 0.05 mm), đường kính thân 2.0mm(± 0.05 mm), khoảng cách bước ren 1.0mm(± 0.02 mm), dài 6mm(± 0.05 mm).	
13	Vít xương Mini đường kính 2.0mm, dài 8mm	Cái	10 Cái/Túi	200	Vít hàm mặt tự taro. chất liệu Titanium ASTM F136 hoặc tương đương, đường kính mũ vít 3.0mm(± 0.05 mm), đường kính thân 2.0mm(± 0.05 mm), khoảng cách bước ren 1.0mm(± 0.02 mm), dài 8mm(± 0.05 mm)	

14	Vít xương Mini đường kính 2.0mm, dài 10mm	Cái	10 Cái/ Túi	200	Vít hàm mặt tự taro. chất liệu Titanium ASTM F136 hoặc tương đương, đường kính mũ vít 3.0mm(± 0.05 mm), đường kính thân 2.0mm(± 0.05 mm), khoảng cách bước ren 1.0mm(± 0.02 mm), dài 10mm(± 0.05 mm).	
15	Vít xương Mini đường kính 2.0mm, dài 12mm	Cái	10 Cái/ Túi	200	Vít hàm mặt tự taro. chất liệu Titanium ASTM F136 hoặc tương đương, đường kính mũ vít 3.0mm(± 0.05 mm), đường kính thân 2.0mm(± 0.05 mm), khoảng cách bước ren 1.0mm(± 0.02 mm), dài 12mm(± 0.05 mm).	
16	Nẹp Maxi thẳng 6 lỗ	Cái	1 Cái/ Túi	10	Nẹp Maxi thẳng 6 lỗ, chất liệu Titanium ASTM F67 hoặc tương đương, dày 1.3mm(± 0.05 mm), dùng với vít đường kính 2.4mm(± 0.05 mm).	
17	Nẹp Maxi thẳng 4 lỗ	Cái	1 Cái/ Túi	30	Nẹp Maxi thẳng 4 lỗ, chất liệu Titanium ASTM F67 hoặc tương đương, dày 1.3mm(± 0.02 mm), dùng với vít đường kính 2.4mm(± 0.05 mm).	
18	Vít xương Maxi đường kính 2.4mm, dài 10mm.	Cái	10 Cái/ Túi	120	Vít hàm mặt tự taro. chất liệu Titanium ASTM F136 hoặc tương đương, đường kính mũ vít 3.7mm(± 0.05 mm), đường kính thân 2.4mm(± 0.05 mm), khoảng cách bước ren 1.2mm(± 0.02 mm), dài 10mm(± 0.05 mm).	
19	Vít xương Maxi đường kính 2.4mm, dài 12mm.	Cái	10 Cái/ Túi	60	Vít hàm mặt tự taro. chất liệu Titanium ASTM F136 hoặc tương đương, đường kính mũ vít 3.7mm(± 0.05 mm), đường kính thân 2.4mm(± 0.05 mm), khoảng cách bước ren 1.2mm(± 0.02 mm), dài 12mm(± 0.05 mm).	
20	Kẹp lưỡng cực	Cái	Cái/ Hộp	30	Kẹp lưỡng cực sử dụng nhiều lần dưới dạng lưới lê. Chiều dài ≥ 15 cm; đầu kích hoạt ≥ 0.6 mm	
21	Dây nối lưỡng cực	Cái	Cái/ Hộp	30	Dây nối lưỡng cực sử dụng nhiều lần . Chiều dài dây ≥ 4.5 m (sử dụng tương thích với kẹp lưỡng cực Valleylab)	
22	Cung Cố định 2 hàm	Cái	Cái/ Hộp	10		

23	Chỉ không tiêu Polypropylene 7.0	sợi	36 sợi/Hộp	72	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5) hoặc tương đương, số 7/0, chỉ dài $\geq 75\text{cm}$, 2 kim tròn độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài 10mm ($\pm 0.5\text{mm}$) làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4\text{ Ra}$, thân kim hình vuông, phủ 3 lớp silicone, lực căng kéo nút thắt $\geq 1.86\text{N}$, Đóng gói bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephthalate hoặc tương đương	
24	Chỉ không tiêu Polypropylene 8.0	Sợi	12 sợi/Hộp	360	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene hoặc tương đương số 8/0 dài $\geq 60\text{cm}$, 2 kim tròn bằng thép không gỉ hoặc tương đương, giới hạn độ bền kéo $> 2.750\text{ MPa}$, dài 8mm ($\pm 0.5\text{mm}$), 3/8 vòng tròn. Có cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng.	
25	Chỉ khâu không tiêu Nylon cỡ 6/0	sợi	36 sợi/Hộp	180	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 6/0, dài $\geq 45\text{cm}$, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 12mm ($\pm 0.5\text{mm}$), làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4\text{ Ra}$, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 3.04N.	
26	Chỉ khâu phẫu thuật không thắt nút, neo xoắn ốc số 2/0	tép	12 tép/Hộp	48	- Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone hoặc tương đương có kháng khuẩn, dạng không thắt nút có neo xoắn ốc quanh thân chỉ, các neo ăn vào thân chỉ khoảng 30%. Cỡ chỉ số 2/0 dài $\geq 30\text{cm}$ có 1 đầu vòng tự khóa linh hoạt - 01 kim tròn đầu tròn bằng thép bằng thép không gỉ hoặc tương đương, giới hạn độ bền kéo $\geq 2.750\text{ MPa}$, chiều dài 36mm ($\pm 2\text{ mm}$) 1/2 vòng tròn. - Thời gian giữ vết thương từ 4 đến ≥ 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn từ 182 đến ≥ 235 ngày.	
27	Chỉ khâu phẫu thuật không thắt nút, neo xoắn ốc số 3/0	tép	Hộp/12 tép	48	- Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi polydioxanone hoặc tương đương có kháng khuẩn dạng không thắt nút có neo xoắn ốc quanh thân chỉ, các neo ăn vào thân chỉ khoảng 30%. Cỡ chỉ số 3/0 dài $\geq 70\text{cm}$ có 1 đầu vòng tự khóa linh hoạt. - 01 kim tròn đầu tròn chất liệu bằng thép không gỉ hoặc tương đương, giới hạn độ bền kéo $\geq 2.750\text{ MPa}$. Kim dài 26mm ($\pm 2\text{ mm}$) 1/2 vòng tròn, thời gian giữ vết thương từ 4 đến ≥ 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn từ 182 đến ≥ 235 ngày.	

28	Chỉ khâu phẫu thuật không thắt nút, neo xoắn ốc số 4/0	tép	Hộp/12 tép	24	- Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone hoặc tương đương có kháng khuẩn dạng không thắt nút có neo xoắn ốc quanh thân chỉ, các neo ăn vào thân chỉ khoảng 30%. Cỡ chỉ số 4/0 dài $\geq 30\text{cm}$ có 1 đầu vòng tự khóa linh hoạt - 01 kim tròn đầu tròn chất liệu bằng thép không gỉ hoặc tương đương, giới hạn độ bền kéo $\geq 2.750\text{ MPa}$. Kim dài 17mm 1/2 vòng tròn. - Thời gian giữ vết thương từ 4 đến ≥ 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn từ 182 đến ≥ 235 ngày.	
29	Vật liệu cầm máu	Miếng	Hộp/12 miếng	2,000	- Vật liệu cầm máu Cellulose oxi hóa tái tổ hợp (Oxidized regenerated cellulose) 5cm x 7.5cm dạng lưới mềm, nguồn gốc thực vật, chứa nhóm cacboxyl (COOH) 18%-24%. - Cấu trúc liên kết mỏng nhẹ, dễ gấp và dễ cắt. - Cầm máu nhanh chóng và hiệu quả nhờ pH thấp (2-4). Hạn chế phát triển vi khuẩn và tác dụng kháng khuẩn trên 99% các loại vi khuẩn kể cả MRAS, VRE, MRSE, PRSP. - Tự tiêu 7-14 ngày trong cơ thể. - Tiệt trùng từng miếng bằng tia Gamma hoặc tương đương.	
30	Sáp cầm máu xương	Miếng	Hộp/12 miếng	200	- Miếng sáp cầm máu xương 2.5 gram ($\pm 0.2\text{ gram}$) - Đóng gói tiệt trùng bằng từng miếng. - Thành phần: Sáp ong trắng (85%), Isopropyl Palmitate (15%).	
31	Miếng xốp cầm máu tự tiêu 7cm x 5cm x 1cm	Miếng	Hộp/20 miếng	100	- Miếng cầm máu bằng gelatin hoặc tương đương dạng bột xốp có tiệt trùng. - Kích thước 7 x 5 x 1cm ($\pm 0.2\text{cm}$). - Độ phồng sau khi thấm hút ≥ 40 lần so kích thước sản phẩm. - Tự tiêu hoàn toàn sau 4 đến ≥ 6 tuần.	
32	Miếng xốp cầm máu tự tiêu 8cm x 3cm	Miếng	Hộp/20 miếng	100	- Miếng cầm máu bằng gelatin hoặc tương đương dạng bột xốp tiệt trùng, dễ đặt trong phẫu thuật trĩ, không dính vào bề mặt vết thương. - Hình ống 8 x 3cm ($\pm 0.2\text{cm}$). - Tự tiêu hoàn toàn sau từ 4 đến ≥ 6 tuần.	

33	Lưới điều trị thoát vị	Miếng	Hộp/3 miếng	50	- Lưới dùng trong điều trị thoát vị 6 x 11cm($\pm$ 0.2cm). - Thành phần: sợi polypropylene hoặc tương đương không tiêu. - Kích thước lỗ lưới $\leq$ 1mm. - Trọng lượng: $\geq$ 95 g/m². - Chiều dày: khoảng 0.5 mm	
34	Dây dẫn màng phổi có nòng các cỡ (troca màng phổi)	Cái	5 cái /túi	100	Ống thông dẫn lưu màng phổi làm bằng PVC mềm hoặc tương đương , mờ và chống xoắn, đi kèm trocar làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương, không chứa DEHP, không chứa Latex, không gây sốt. - Kích cỡ: 8,10,12,,14,16,18,20,22,24,28,30,32,36,40FG - Hai lỗ bên để dẫn lưu hiệu quả. - Đầu gần loại đầu nổi tròn. - Các điểm đánh dấu ở 5,10,15,20cm tính từ đầu xa giúp xác định độ sâu. - Tay cầm phẳng tăng khả năng cơ động. - Vô trùng bằng EO hoặc tương đương	
35	Bình dẫn lưu màng phổi di động loại 2 khoang	Cái	cái / túi	50	- Bình dẫn lưu màng phổi di động loại 2 khoang riêng biệt, sử dụng tương thích với máy hút dẫn lưu màng phổi di động, - Dung tích 2200ml ($\pm$10 ml), dung tích nước cần nạp vào khoang nước khoảng 45ml ($\pm$2 ml). Có đầu vào bằng dây silicon hoặc tương đương cứng chống bẹp ống Đóng tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương	
36	Khí dùng cho máy phát tia Plasma lạnh bình 8 lít	bình	8 lít/ bình	400	Tương thích dùng cho máy chiếu Plasma (Model: PlasmaMED-GAP) * Thành phần bao gồm: - Argon độ tinh khiết $\geq$ 99,99%. - H₂O < 3ppm; N₂ < 5ppm; Oxygen < 2ppm * Bình chứa: - Bình hợp kim nhôm dung tích 8l, - Kích thước khoảng: 159 x 8 x 615 (mm) - Kích thước bao gồm quai xách khoảng: 159 x 8 x 730 (mm) - Áp suất thử $\geq$ 225 Bar - Áp suất sử dụng $\geq$ 130bar - Thể tích khí trong bình (Khi giải nén): $\geq$ 1.040 lít * Kết nối: - Nối nhanh cơ khí: NTP G 1/4 – 6 mm hoặc tương đương - Giao diện nối điện tử: HDMI hoặc tương đương.	

					* Sản phẩm là hỗn hợp khí trong bình, không bao gồm vỏ bình và các bộ phận đi kèm	
37	Kim đốt sóng cao tần tuyến giáp kèm theo phụ kiện tiêu chuẩn, các cỡ	Cái	cái / túi	40	- Loại kim đầu phát nhiệt cố định với có hệ thống làm lạnh bên trong. - Đầu kim sắc nhọn, có ≥ 3 mặt vát. - Điện áp định mức tối đa của kim đốt: $\geq 180V$ - Đường kính kim 18G có: + Loại chiều dài thân kim 7cm ($\pm 5\%$), độ dài đầu phát nhiệt tối thiểu có 6 cỡ: 0.5cm, 0.7cm, 1cm, 1.5cm, 2cm, 3cm; + Loại chiều dài thân kim 12cm ($\pm 5\%$), độ dài đầu phát nhiệt tối thiểu có 6 cỡ: 0.5cm, 0.7cm, 1cm, 1.5cm, 2cm, 3cm; + Loại chiều dài thân kim 17cm ($\pm 5\%$), độ dài đầu phát nhiệt tối thiểu có 5 cỡ: 0.7cm, 1cm, 1.5cm, 2cm, 3cm. - Sử dụng tương thích với Máy đốt U bằng sóng cao tần CRF Generator hãng Cambridge Interventional LLC/Mỹ của bệnh viện.	
38	Bộ quả lọc máu liên tục cho trẻ em (tối thiểu 11 kg)	Bộ	4 bộ / Thùng	6	* Chất liệu: - Sợi lọc AN69 HF: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer hoặc tương đương - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate hoặc tương đương - Ống dẫn: PVC hoặc tương đương - Cartridge: PETG hoặc tương đương - Tiệt trùng: ethylene oxide hoặc tương đương * Thông số hoạt động của quả lọc - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): $\geq 500/66,6$ - Thể tích máu : 93 ml ($\pm 10\%$) - Diện tích màng hiệu dụng: $\geq 0.6\text{ m}^2$ - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): khoảng 240μm - Độ dày thành sợi lọc: khoảng 50μm - Tốc độ máu: ≤ 50 đến ≥ 180 ml / phút - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 11 kg	

39	Bộ quả lọc máu liên tục cho trẻ em	Bộ	4 bộ / Thùng	6	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn cho bệnh nhi với cân nặng >8kg: * Chất liệu: - Màng lọc: Polyarylethersulfone (sợi rỗng PAES) hoặc tương đương - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate hoặc tương đương - Ống dẫn: PVC hoặc tương đương - Cartridge: PETG hoặc tương đương * Thông số hoạt động của quả lọc - Thể tích máu trong bộ quả lọc: 60ml ($\pm 10\%$) - Diện tích màng hiệu dụng: $\geq 0.2 \text{ m}^2$ - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): khoảng 215 μm - Độ dày thành sợi lọc: khoảng 50 μm - Tốc độ dòng máu tối thiểu: $\leq 20 \text{ ml/phút}$ - Tốc độ dòng máu tối đa: $\geq 100 \text{ ml/phút}$ - Thể tích mỗi máu (chỉ ở quả lọc): $\leq 17\text{ml}$ - TMP tối đa: $\geq 500\text{mmHg}/67 \text{ kPa}$	
40	Kít trao đổi huyết tương hồng cầu	Bộ	6 bộ/ thùng	60	- Bộ kít có gắn sẵn các đường dây, đường dịch thay thế, túi thải, kênh ly tâm - Có filter lọc ≤ 200 microns trên đường trả máu về Có túi đuổi khí các bộ phận được mã hóa màu. - Túi thải thể tích $\geq 6\text{L}$. Van đảm bảo an toàn chất chống đông. - Thể tích vòng tuần hoàn ngoài chuẩn khi sử dụng kim đôi khoảng 141 ml. Bộ kit được cung cấp cùng với 01 túi dung dịch chống đông. - Đóng gói tiệt trùng	
41	Tay dao mổ siêu âm dạng súng size 35	Cái	01 Cái/ Túi	100	- Tương thích với Hệ thống dao mổ siêu âm Y16-E và dây dao kèm hệ thống. - Năng lượng siêu âm từ dây dao được truyền đến tay dao mổ, cho phép cắt và hàn các mạch máu. - Dùng trong phẫu thuật nội soi. - Đầu dao cong. - Bề mặt làm việc: bao gồm bề mặt lõm, lồi, bề mặt kẹp, bề mặt cắt ngược. - Tay cầm có nút điều chỉnh năng lượng min, max. - Đường kính cán: 5mm, chiều dài cán: 35cm ($\pm 0.5 \text{ cm}$); cán xoay 360 độ.	

42	Tay dao mổ siêu âm dạng súng size 22	Cái	01 Cái/ Túi	100	- Tương thích với Hệ thống dao mổ siêu âm Y16-E và dây dao kèm hệ thống. - Năng lượng siêu âm từ dây dao được truyền đến tay dao mổ, cho phép cắt và hàn các mạch máu. - Dùng trong phẫu thuật nội soi. - Đầu dao cong. - Bề mặt làm việc: bao gồm bề mặt lõm, lồi, bề mặt kẹp, bề mặt cắt ngược. - Tay cầm có nút điều chỉnh năng lượng min, max. - Đường kính cán: 5mm, chiều dài cán: 22cm (± 0.5 cm); cán xoay 360 độ.	
43	Tay dao mổ siêu âm dạng kéo size 9	Cái	01 Cái/ Túi	40	- Tương thích với Hệ thống dao mổ siêu âm Y16-E và dây dao kèm hệ thống. - Năng lượng siêu âm từ dây dao được truyền đến tay dao mổ, cho phép cắt và hàn các mạch máu. - Dùng trong phẫu thuật mổ mở. - Tay cầm có nút điều chỉnh năng lượng min, max. - Chiều dài cán: 9cm (± 0.5 cm)	
44	Dây dao dùng cho hệ súng	Cái	01 Cái/ Túi	40	- Tương thích với Hệ thống dao mổ siêu âm Y16-E. - Chất liệu vỏ tay cầm của dây dao: hợp kim nhôm hoặc tương đương. - Điện cực mạ vàng hoặc tương đương có điện trở tiếp xúc thấp nhằm tăng khả năng truyền sóng cơ học. - Dùng trong phẫu thuật nội soi. - Số lần sử dụng: khoảng 100 lần.	
45	Dây dao dùng cho hệ kéo	Cái	01 Cái/ Túi	40	- Tương thích với Hệ thống dao mổ siêu âm Y16-E. - Chất liệu vỏ tay cầm của dây dao: hợp kim nhôm hoặc tương đương. - Điện cực mạ vàng hoặc tương đương có điện trở tiếp xúc thấp nhằm tăng khả năng truyền sóng cơ học. - Dùng trong phẫu thuật mổ mở. - Số lần sử dụng: khoảng 100 lần.	

46	Lưỡi dao HEPACCS cho mổ mở	Cái	01 Cái/ Túi	40	- Chiều dài làm việc 48 mm (± 1 mm) - Đường kính đầu tip 2.2 mm(± 0.1 mm), đường kính kênh 1.4 mm(± 0.1 mm) - Tương thích với tay dao Hepaccs của máy Sonoca 300 đang dùng tại bệnh viện	
47	Lưỡi dao HEPACCS sonotrodes dùng trong phẫu thuật nội soi	Cái	01 Cái/ Túi	40	- Chiều dài làm việc 312 mm (± 1 mm) - Đường kính đầu tip 2.6 mm(± 0.1 mm), đường kính kênh 1.7 mm(± 0.1 mm) - Tương thích với tay dao Hepaccs của máy Sonoca 300 đang dùng tại bệnh viện	
48	Nắp dẫn nước cho mổ nội mở	Cái	01 Cái/ Túi	40	- Nắp dẫn nước tương thích lưỡi dao HEPACCS cho mổ mở	
49	Nắp dẫn nước cho mổ nội soi	Cái	01 Cái/ Túi	40	- Nắp dẫn nước tương thích lưỡi dao HEPACCS sonotrodes dùng trong phẫu thuật nội soi	
50	Dây nối dẫn nước tưới hút cho tay dao HEPACCS	Cái	01 Cái/ Túi	50	- Đóng gói tiệt khuẩn 2 lớp - Tương thích với tay dao Hepaccs của máy Sonoca 300 đang dùng tại bệnh viện	
51	Tay dao siêu âm cắt gan	Cái	Cái/ hộp	1	- Có thể tích hợp 2 năng lượng siêu âm và cắt đốt điện đơn cực trong cùng 1 tay dao, có thể sử dụng ≥ 150 chu trình - Bao gồm cáp kết nối nguồn siêu âm và cắt đốt điện cực tương ứng đi kèm - Tương thích với dao siêu âm 15-000C-FL (SONOCA 300, Ultrasonic generator)Hãng SÖring GmbH của bệnh viện	
52	Dụng cụ tháo lắp lưỡi dao	Cái	Cái/ hộp	1	Dụng cụ tháo lắp lưỡi dao siêu âm, có thể tái sử dụng 150 lần.	

53	Kim sinh thiết tủy xương một lần, các cỡ	Cái	01 cái/ gói	400	Cấu tạo bao gồm tối thiểu 04 bộ phận: 01 Kim sinh thiết, 01 Surelock lấy mẫu, 01 Marker, 01 nắp an toàn. - Kim sinh thiết xương có tay cầm, thân kim có chia vạch đánh dấu mức thăm khám, Kim chọc hút được thông qua đầu chọc hút có dạng xoay. Đầu kim vát nhọn. - Có các loại có đường kính từ 8G, 11G, 13G; - Kim có chiều dài 100mm, 150mm đối với kim có đường kính 8G, 11G; - Kim có chiều dài 65mm, 100mm đối với kim có đường kính 13G.	
54	Kim sinh thiết mô mềm dùng cho súng sinh thiết, các cỡ	Cái	01 Cái/ Túi	250	Kích thước: Chiều dài kim: 100mm, 150mm, 200mm, 250mm, 280mm Đường kính kim: 18G Chiều sâu thâm nhập có các cỡ từ: 15mm-22mm Thân kim bằng thép không gỉ hoặc tương đương Đóng gói tiệt trùng. Tương thích với súng sinh thiết Pajunk - DeltaCut của bệnh viện đang sử dụng	
55	Kim sinh thiết màng phổi	Cái	01 Cái/ Túi	30	Một bộ gồm có: 1) Trụ kim kèm van đo khoảng cách 2) Kim dẫn đường dạng trocar 3) Kim cắt bệnh phẩm 4) Kim đẩy bệnh phẩm Kim được làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương, có thể hấp sấy tiệt trùng; kích cỡ 11G	
56	Kim sinh thiết dạ dày ngàm mở nhỏ dùng nhiều lần, các cỡ	Cái	01 Cái/ Túi	100	Kim sinh thiết dạ dày dùng nhiều lần, loại tiêu chuẩn, hình oval, ngàm cá sấu có chiều dài làm việc 150cm (± 1 cm), đường kính thân kim 1.8mm (± 0.2 mm), độ mở ngàm các cỡ 5mm (± 0.2 mm), 5.5mm (± 0.2 mm), tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.0mm.	
57	Kim sinh thiết dạ dày ngàm mở lớn dùng nhiều lần, các cỡ	Cái	01 Cái/ Túi	100	Kim sinh thiết dạ dày dùng nhiều lần, loại tiêu chuẩn, hình oval, ngàm cá sấu có chiều dài làm việc 150cm (± 1 cm), 170cm (± 1 cm), đường kính thân kim 2.4mm (± 0.2 mm), có độ mở ngàm các cỡ 6.5mm (± 0.3 mm), 7mm (± 0.3 mm) tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm.	

58	Bộ thông mở dạ dày qua da dạng dây	Bộ	Bộ / hộp	50	Kích thước nút nuôi ăn, 2.5cm, 3.0cm, 3.5cm, 4.0cm, 4.5cm. Đường kính nuôi ăn 8.0mm (24Fr) Thành Phần: 1. Ống nuôi ăn dạ dày bằng chất liệu caosu Silicone hoặc tương đương 2. Dụng cụ giúp đẩy ống thông vào dạ dày có khóa chốt cố định đánh dấu. 3. Ống kết nối cho ăn 4. Ống giải áp 5. Kim khâu cố định thành dạ dày 23G được làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương. 6. Dây dẫn guidewire 7. Ống nông 8. Vỏ bọc dẫn đường đưa ống thông vào bên trong dạ dày.	
59	Ống thở đo chức năng hô hấp (Tuabin dùng 1 lần)	Cái	01 cái/ túi	2.000	Tuabin dùng 1 lần (dùng cho máy đo chức năng hô hấp): với cảm biến lưu lượng: tuabin kỹ thuật số 2 chiều, kèm theo ống thổi giấy (đường kính ống thổi giấy: khoảng 30mm (1.18 inch)). Đảm bảo vệ sinh tối đa, dễ dàng thay thế và không cần hiệu chuẩn. Độ chính xác cao. Tương thích dùng cho máy đo chức năng hô hấp Spirolab III bệnh viện đang sử dụng	
60	Que lấy bệnh phẩm, các cỡ	Cái	100 cái / túi	20.000	Que gỗ làm bằng 100% gỗ tự nhiên qua hấp, sấy tiệt trùng đảm bảo bỏ chống nấm mốc. Đầu quần bông, đường kính đầu bông từ 2-10mm; chiều dài que các cỡ từ 7.5-20cm	
61	Lọ đựng bệnh phẩm vô trùng	Lọ	1 lọ/ túi	15.000	Chất liệu bằng nhựa PP hoặc tương đương, dung tích 60ml($\pm$ 0.5ml). Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong, Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương	
62	Ống đựng bệnh phẩm các loại dịch tủy	Ống	100 ống/ Hộp	60.000	- Ống nghiệm nhựa serum không chứa chất chống đông dùng để xét nghiệm sinh hóa, miễn dịch... - Thân ống được làm bằng chất liệu nhựa PET hoặc tương đương kích thước 13x75mm (ống dung tích 4ml) nắp cao su hoặc tương đương, lấy máu bằng áp lực âm (dùng kim lấy máu 2 đầu), thích hợp dùng cho các máy xét nghiệm tự động.	
63	Bộ lấy bệnh phẩm đường hô hấp dung tích 40 ml	Bộ	bộ/ túi	5,000	Bộ lấy bệnh phẩm đường hô hấp bao gồm lọ đựng mẫu, nắp đậy, ống nối bằng cao su hoặc tương đương, nắp rời và giấy ghi thông tin bệnh nhân. Lọ đựng mẫu có kích cỡ: 40 ml (cc)	

64	Bộ lấy bệnh phẩm đường hô hấp dung tích 25 ml	Bộ	bộ/ túi	5,000	Chất liệu: Nhựa PVC y tế hoặc tương đương. Kích thước từ Fr6 - Fr14. Thiết kế độc đáo làm giảm ma sát và lực hấp phụ tĩnh điện. Dung tích 25ml.	
65	Mở khí quản 2 nòng không bóng	Cái	1 Cái/ Túi	150	Ống mở khí quản không bóng, vật liệu không chứa DEHP hoặc tương đương, cong 105 độ, kết nối với dây máy thở qua co nối của ống, không kết nối qua nòng trong - 2 nòng trong thành mỏng (ID nòng chênh 1mm($\pm$ 0.02mm) so với ID ống), có vòng kéo (mấu ngát) để dễ tháo. - Các cỡ 6.0, 7.0, 7.5, 8.0, 8.5, 9.0, - OD từ 9.2 - 13.3mm, chiều dài ống từ 64.5 - 81mm - Linh kiện: dây cố định 2 cánh, chổi vệ sinh nòng trong, dụng cụ tách co nối	
66	Ống đặt nội khí quản có dây hút trên cuff	Cái	1 Cái/ Túi	500	- Chất liệu PVC trong suốt, nhạy nhiệt, đầu trơn nhẵn, có lỗ, có đường cản quang, có bóng, thể tích lớn áp lực thấp. - Bóng thiết kết lật ngược. - Co nối chuẩn 15mm - Đường kính trong ống từ 6,0mm đến 9,0mm - Đường kính ngoài ống từ 9,1mm đến 13,0mm - Chiều dài ống từ 290mm đến 300mm - Đường kính bóng từ 23mm đến 30mm - Có thể đặt tối đa đến 29 ngày	
67	Dụng cụ cố định foley Catheter	Cái	50 cái / hộp	400	-Cố định catheter: từ ≤ 3mm đến ≥ 12mm (từ ≤ 9FR đến ≥ 36FR) - Làm bằng vải không dệt thoáng khí, chất dính y tế chịu được áp lực. Kháng nước - Dễ dàng dán và tháo khỏi vị trí dán - Không phải vệ sinh da trước khi dán và không cần dùng các dung dịch để tháo	
68	Dụng cụ cố định mở khí quản	Cái	100 cái/hộp p	400	- Làm bằng vải được bao phủ lớp đệm xốp (foam) bền, mềm, nhẹ, tăng sự thoải mái cho bệnh nhân. - Kích thước: 45 cm x 3cm($\pm$ 0.5cm)	
69	Dụng cụ cố định ống nội khí quản	Chiếc	1 Cái/ Túi	400	- Dùng để cố định ống nội khí quản, dễ dàng di chuyển vị trí ống nội khí quản, có ống chống cắn để ngăn ngừa bệnh nhân cắn vào ống nội khí quản - Miếng dán hydricolloid hoặc tương đương có độ pH giống như da, không gây dị ứng. - Thời gian sử dụng trung bình từ 5 - 7 ngày.	

70	Đai cố định tay chân bệnh nhân	Chiếc	1 Cái/ Túi	700	- Sử dụng để cố định phần tay hoặc chân cho bệnh nhân - Dùng cho người lớn và trẻ em - Đai có thể điều chỉnh dễ dàng, dây dài cố định tay và chân với giường hoặc các vị trí cố định khác. - Làm bằng vật liệu mềm, không gây tổn thương da - Có thể vệ sinh trực tiếp và dùng lại nhiều lần	
71	Bộ toan phẫu thuật cột sống	Bộ	Bộ / Túi	50	Gồm có : 1. Toan trái bàn dụng cụ lớn Toan trái bàn dụng cụ lớn x 01 cái - Màu xanh, hình chữ nhật, gồm 2 lớp, chống thấm - Kích thước 180 x 200 cm($\pm 5\%$) - Vải không dệt ≥ 3 lớp 50gsm (± 5gsm), có màng Film PE xanh hoặc tương đương, có băng keo y tế 2. Toan trái bàn dụng cụ nhỏ Toan trái bàn dụng cụ nhỏ x 01 cái - Màu xanh, hình chữ nhật, gồm ≥ 2 lớp, chống thấm - Kích thước 120 x 140 cm($\pm 5\%$) - ≥ 3 lớp 50gsm (± 5gsm), có màng Film PE xanh hoặc tương đương, có băng keo y tế 3. Toan chính Toan chính (toan phẫu thuật cột sống) x 01 cái màu xanh - Có lỗ trống kích thước 100x 300mm ($\pm 5\%$) và vùng thấm hút một mặt chất liệu vải siêu thấm 130gsm(± 5gsm), kích thước 60x60cm ($\pm 5\%$), có miếng vải bán thấm chống trơn trượt để dụng cụ phẫu thuật. - Kích thước 255 x 350 cm ($\pm 5\%$) - Vải không dệt ≥ 4 lớp 50gsm (± 5gsm), chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện; vải siêu thấm 130gsm (± 5gsm); có băng keo y tế; vải bán thấm. 4. Toan vải không dệt - Toan vải không dệt (toan có keo) x 02 cái - Màu xanh, hình chữ nhật, có kèm băng dính - Kích thước 40 x 65 cm ($\pm 5\%$) - Vải không dệt ≥ 4 lớp 50gsm (± 5gsm), chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện; có băng keo y tế 5. Khăn thấm - Khăn thấm x 09 cái - Màu trắng, hình chữ nhật	

					72- Kích thước 30 x 40 cm($\pm 5\%$) - Chất liệu vải không dệt $\geq 65\text{gsm}$ 6. Áo phẫu thuật - Áo phẫu thuật size L x 02 cái - Áo phẫu thuật màu xanh Kích thước: 132 x 152 cm ($\pm 5\%$), Vải không dệt ≥ 4 lớp $\geq 43\text{gsm}$, chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện - Áo phẫu thuật size M x 02 cái màu xanh Kích thước 120 x 137 cm ($\pm 5\%$), Vải không dệt ≥ 4 lớp $\geq 43\text{gsm}$, chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện. Tiệt trùng bằng EO hoặc tương đương.	
72	Bộ khăn phẫu thuật chi trên	Bộ	Bộ / Túi	50	Bao gồm : 1. Toàn trải bàn dụng cụ lớn - Toàn trải bàn dụng cụ lớn x 01 cái - Màu xanh, hình chữ nhật, gồm 2 lớp, chống thấm - Kích thước 180 x 200 cm($\pm 5\%$) - Chất liệu: Vải không dệt ≥ 3 lớp 50gsm ($\pm 5\text{gsm}$), có màng Film PE xanh hoặc tương đương, có băng keo y tế. 2. Toàn chính - Toàn chính (toàn phẫu thuật chi trên) x 01 cái ; Màu xanh - Có vùng phẫu thuật kích thước 20x20cm ($\pm 5\%$) chất liệu PU hoặc tương đương co giãn, ở giữa có lỗ tròn kích thước $\varnothing 50\text{mm}$ ($\pm 5\%$), kèm vùng thấm hút một mặt chất liệu vải siêu thấm 130gsm($\pm 5\text{gsm}$), kích thước 45x120cm ($\pm 5\%$) - Kích thước: 300 x 370 cm ($\pm 5\%$) - Chất liệu: Vải không dệt ≥ 4 lớp 50gsm($\pm 5\text{gsm}$), chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện; vải siêu thấm 130gsm($\pm 5\text{gsm}$), PU co giãn 3. Toàn phủ - Toàn phủ x 01 cái - Màu xanh, hình chữ nhật - Kích thước: 150 x 180 cm ($\pm 5\%$) - Vải không dệt ≥ 4 lớp 50gsm($\pm 5\text{gsm}$), chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện 4. Khăn thấm - Khăn thấm x 09 cái - Màu trắng, hình chữ nhật	

					- Kích thước: 30 x 40 cm($\pm 5\%$) - Chất liệu: Vải không dệt $\geq 65\text{gsm}$ 5. Áo phẫu thuật - Áo phẫu thuật size L x 2 cái màu xanh - Kích thước : 132 x 152 cm($\pm 5\%$), Vải không dệt ≥ 4 lớp $\geq 43\text{gsm}$, chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện - Áo phẫu thuật size M x 2 cái màu xanh - Kích thước: 120 x 137 cm($\pm 5\%$) - Vải không dệt ≥ 4 lớp $\geq 43\text{gsm}$, chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện - Có 01 bút đánh dấu phẫu thuật (kèm thước), Mực màu tím, không gây mẫn cảm da. - Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương	
73	Bộ khăn phẫu thuật chi dưới có kèm túi (thay khớp háng)	Bộ	Bộ / Túi	50	Bao gồm: 1. Toàn trái bàn dụng cụ lớn - Toàn trái bàn dụng cụ lớn x 01 cái - Màu xanh, hình chữ nhật, gồm 2 lớp, chống thấm - kích thước: 180 x 200 cm($\pm 5\%$) - Vải không dệt ≥ 3 lớp 50gsm ($\pm 5\text{gsm}$), có màng Film PE xanh hoặc tương đương, có băng keo y tế 2. Toàn trái bàn dụng cụ nhỏ - Toàn trái bàn dụng cụ nhỏ x 01 cái - Màu xanh, hình chữ nhật, gồm 2 lớp, chống thấm - Kích thước: 120 x 140 cm($\pm 5\%$) - Vải không dệt ≥ 3 lớp 50gsm ($\pm 5\text{gsm}$), có màng Film PE xanh hoặc tương đương, có băng keo y tế 3. Toàn chính - Toàn chính (toàn phẫu thuật chi dưới) x 01 cái màu xanh - Có vùng phẫu thuật co giãn kèm lỗ trống kích thước $\varnothing 6\text{cm}$ ($\pm 5\%$) và vùng thấm hút một mặt chất liệu vải siêu thấm 130gsm($\pm 5\text{gsm}$), kích thước 60x140cm ($\pm 5\%$) - Kích thước: 290 x 345 cm ($\pm 5\%$) - Vải không dệt ≥ 4 lớp 50gsm ($\pm 5\text{gsm}$), chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện; vải siêu thấm; có băng keo y tế. 4. Toàn Phủ - Toàn phủ x 01 cái - Màu xanh, hình chữ nhật	

					- Kích thước: 150 x 180 cm ($\pm 5\%$) - Vải không dệt ≥ 4 lớp 50gsm (± 5gsm), chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện 5. Bao phủ chi - Bao phủ chi (Bao tất phủ chi) x 01 cái - Kích thước 23.5 x 120 cm ($\pm 5\%$) - Vải bán chống thấm 6. Băng dính loại dán - Băng dính loại dán x 2 cuộn - Băng dính dán màu xanh, hình chữ nhật - Kích thước: 7.5 x 40 cm ($\pm 5\%$) - Vải không dệt, có băng keo y tế 7. Khăn Thấm - Khăn thấm x 08 cái - Màu trắng, hình chữ nhật - Kích thước: 30 x 40 cm ($\pm 5\%$) - Chất liệu vải không dệt ≥ 65gsm 8. Áo phẫu thuật - Áo phẫu thuật size L x 02 cái màu xanh - Kích thước: 132 x 152 cm ($\pm 5\%$) - Vải không dệt ≥ 4 lớp ≥ 43gsm, chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện - Áo phẫu thuật size M x 02 cái màu xanh - Kích thước: 120 x 137 cm ($\pm 5\%$) - Vải không dệt ≥ 4 lớp ≥ 43gsm, chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện - Có 1 Bút đánh dấu phẫu thuật (kèm thước), Mực màu tím, không gây mẫn cảm da - Tiệt trùng bằng EO hoặc tương đương	
74	Bộ toan phẫu thuật chỉnh hình cơ xương khớp chung	Bộ	Bộ / Túi	50	Bao gồm: 1. Toan trái bàn dụng cụ lớn - Toan trái bàn dụng cụ lớn x 1 cái: Màu xanh, hình chữ nhật, gồm 2 lớp, kích thước 180 x 200cm ($\pm 5\%$), chống thấm. - Chất liệu vải không dệt ≥ 3 lớp 50gsm (± 5gsm), có màng Film PE xanh hoặc tương đương, có băng keo y tế 2. Toan trái bàn dụng cụ nhỏ Toan trái bàn dụng cụ nhỏ x 1 cái: Màu xanh, hình chữ nhật, gồm 2 lớp,	

				kích thước 120x 140cm ($\pm 5\%$), chống thấm. - Chất liệu vải không dệt ≥ 3 lớp 50gsm (± 5gsm), có màng Film PE xanh hoặc tương đương, có băng keo y tế. 3. Toan Chính - Toan chính (Toan U thấm) x 1 cái: Màu xanh. - Kích thước 200 x 280cm ($\pm 5\%$): - Chất liệu vải không dệt ≥ 4 lớp 50gsm (± 5gsm), chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện; vải siêu thấm, có băng keo y tế - Có vùng phẫu thuật hình chữ U kích thước 60 x 930mm ($\pm 5\%$), kèm vùng thấm hút một mặt chất liệu vải siêu thấm 130gsm(± 5gsm), kích thước 70 x 100cm ($\pm 5\%$), mặt sau xung quanh chữ U có băng dính dán. 4. Toan Phủ Toan phủ x 01 cái: Màu xanh, hình chữ nhật. - Kích thước 150 x 180cm ($\pm 5\%$): - Chất liệu vải không dệt ≥ 4 lớp 50gsm (± 5gsm), chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện. 5. Bao phủ chì Bao phủ chì x 1 cái: Bao tất phủ chì, - kích thước 235 x 1200mm ($\pm 5\%$), Vải bán thấm hoặc tương đương 6. Băng dính loại dán Băng dính loại dán x 4 cái . Băng dính dán màu xanh, hình chữ nhật kích thước 75mm x 400mm ($\pm 5\%$). - Chất liệu vải không dệt, có băng keo y tế 7. Khăn Thấm Khăn thấm x 9 cái: Màu trắng, hình chữ nhật - kích thước 30 x 40cm ($\pm 5\%$) - Chất liệu Vải không dệt ≥ 65gsm 8. Áo Phẫu Thuật - Áo phẫu thuật size L x 2 cái: Áo phẫu thuật màu xanh, - Kích thước 132 x 152cm ($\pm 5\%$) - chất liệu vải không dệt ≥ 4 lớp ≥ 43gsm, chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện. - Áo phẫu thuật size M x 2 cái: Áo phẫu thuật màu xanh, - Kích thước 120 x 137cm ($\pm 5\%$). - Chất liệu vải không dệt ≥ 4 lớp ≥ 43gsm, chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện. - Bút đánh dấu phẫu thuật (kèm thước) x 1 cái: Mực màu tím, không gây	
--	--	--	--	--	--

					mẫn cảm da . - Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương.	
75	Bộ khăn nội soi khớp vai	Bộ	Bộ / Túi	30	Bao gồm: 1. Toàn trái bàn dụng cụ lớn - Toàn trái bàn dụng cụ lớn x 1 cái: Màu xanh, hình chữ nhật, gồm 2 lớp, kích thước 180 x 200cm (±5%), chống thấm. - Chất liệu vải không dệt ≥3 lớp 50gsm (±5gsm), có màng Film PE xanh hoặc tương đương, có băng keo y tế 2. Toàn Chính. - Toàn chính x 1 cái: Màu xanh, kích thước 150 x 250cm (±5%): - Chất liệu vải không dệt ≥4 lớp 50gsm (±5gsm), chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện; băng keo y tế; có màng Film PE trong hoặc tương đương - Có vùng phẫu thuật hình chữ U kích thước 150 x 450mm (±5%), mặt sau xung quanh chữ U có băng dính dán, kèm túi thu dịch có dây thít và van xả. 3. Toàn Phủ người Toàn phủ người x 1 cái: Màu xanh, - Kích thước 200 x 295cm (±5%): có màng Film PE xanh hoặc tương đương chống thấm, băng keo y tế - Vùng phẫu thuật hình chữ U kích thước 100 x 650mm (±5%), mặt sau xung quanh chữ U có băng dính dán 4. Khăn thấm - Khăn thấm x 9 cái: Màu trắng, hình chữ nhật. - Kích thước 30 x 40cm(±5%): - Chất liệu Vải không dệt ≥65gsm 5. Áo phẫu thuật - Áo phẫu thuật size L x 2 cái: Áo phẫu thuật màu xanh, - Kích thước 132 x 152cm(±5%). - Chất liệu vải không dệt ≥4 lớp ≥43gsm, chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện. - Áo phẫu thuật size M x 2 cái: Áo phẫu thuật màu xanh, - Kích thước 120 x 137cm(±5%). - Chất liệu vải không dệt ≥4 lớp ≥43gsm, chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện. - Bút đánh dấu phẫu thuật (kèm thước) x 1 cái: Mực màu tím, không gây	

					mẫn cảm da. - Tiệt trùng bằng EO hoặc tương đương.	
76	Bộ toan phẫu thuật nội soi khớp gối	Bộ	Bộ / Túi	50	Bao gồm: 1.Toan trải bàn dụng cụ lớn. Toan trải bàn dụng cụ lớn x 1 cái: Màu xanh, hình chữ nhật, gồm 2 lớp, - Kích thước 180 x 200cm (±5%), chống thấm. - Chất liệu vải không dệt ≥3 lớp 50gsm (±5gsm), có màng Film PE xanh hoặc tương đương, có băng keo y tế. 2. Toan trải bàn dụng cụ nhỏ. - Toan trải bàn dụng cụ nhỏ x 1 cái: Màu xanh, hình chữ nhật, gồm 2 lớp. - Kích thước 120 x 140cm (±5%), chống thấm. - Chất liệu vải không dệt ≥3 lớp 50gsm (±5gsm), có màng Film PE xanh hoặc tương đương, có băng keo y tế. 3. Toan chính - Toan chính (toan nội soi khớp gối) x 1 cái: Màu xanh, kích thước 200 x 360cm (±5%). - Chất liệu vải không dệt ≥4 lớp 50gsm (±5gsm), chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện; PU hoặc tương đương co giãn; có màng Film PE trong hoặc tương đương, có băng keo y tế - Vùng phẫu thuật có lỗ trở đường kính Ø60mm (±5%) và Ø50mm (±5%) chất liệu PU hoặc tương đương co giãn, kèm túi thu dịch có dây thít và van xả. 4.Toan phủ - Toan phủ x 1 cái: Màu xanh, hình chữ nhật. - Kích thước 150 x 180cm (±5%). - Chất liệu vải không dệt ≥4 lớp 50gsm (±5gsm), chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện. 5. Bao phủ chi - Bao phủ chi x 1 cái: Bao tất phủ chi, - Kích thước 235 x 1200mm (±5%), Vải bán thấm hoặc tương đương 6. Băng dính loại dán Băng dính loại dán x 2 cái: Băng dính dán màu xanh, hình chữ nhật - Kích thước 75x 400mm (±5%). - Chất liệu vải không dệt, có băng keo y tế 7. Khăn thấm Khăn thấm x 9 cái: Màu trắng, hình chữ nhật.	

					- Kích thước 30 x 40cm($\pm 5\%$). - Chất liệu vải không dệt $\geq 65\text{gsm}$ 8. Áo phẫu thuật '- Áo phẫu thuật size L x 2 cái: Áo phẫu thuật màu xanh, - Kích thước 132 x 152cm($\pm 5\%$). - Chất liệu vải không dệt ≥ 4 lớp $\geq 43\text{gsm}$, chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện. '- Áo phẫu thuật size M x 2 cái: Áo phẫu thuật màu xanh, - Kích thước 120 x 137cm($\pm 5\%$). - Chất liệu vải không dệt ≥ 4 lớp $\geq 43\text{gsm}$, chống thấm nước và cồn, chống tĩnh điện. - Bút đánh dấu phẫu thuật (kèm thước) x 1 cái: Mực màu tím, không gây mẫn cảm da. - Tiệt trùng bằng EO hoặc tương đương.	
77	Mask thanh quản có đường hút dịch các cỡ	Chiếc	Chiếc / Túi	100	Có các cỡ từ 1.0 đến 5.0. Có ống thông thực quản độc lập giúp giảm nguy cơ cho đường hô hấp. - Thân ống được gia cố tăng độ linh động và chống gập. - Miếng chống cắn giúp bảo vệ thân mask khỏi bị cắn và đảm bảo thông khí. - Chất liệu silicone y tế hoặc tương đương tương thích sinh học tốt và bảo vệ đường thở. - Có 2 bóng có độ bịt kín cao, áp suất bơm khí lên đến $\geq 35\text{cm H}_2\text{O}$. - Thể tích bóng từ 5-45ml.	
78	Bộ xóp dùng cho điều trị vết thương bằng áp lực âm (cỡ nhỏ)	Bộ	10 bộ/ Hộp	50	Bao gồm: - 01 miếng xóp dạng mắt lưới hoặc tương đương kích thước 10x7.5x3.0cm($\pm 0.5\text{cm}$), chất liệu Polyurethane hoặc tương đương, chống nước, kích cỡ các lỗ $\leq 600\text{micron}$; - Tối thiểu ≥ 01 băng dán cố định chống kích ứng da; - 01 dây dẫn có công nghệ tự làm sạch có 1 đường hút chính và 4 đường lỗ nhỏ trong thành dây dẫn; đầu nối tích hợp công nghệ hút có cảm ứng chống tắc, có các rãnh định hướng dịch và 2 cổng cảm ứng phát hiện tắc, có kẹp ống khoá dẫn; - 01 thước giấy đo kích thước vết thương và ghi ngày giờ bắt đầu sử dụng.	

79	Bộ xốp dùng cho điều trị vết thương bằng áp lực âm (cỡ vừa)	Bộ	10 bộ/Hộp	30	Bao gồm: - 01 miếng xốp dạng mắt lưới hoặc tương đương kích thước 18x12.5x3.0cm(± 0.5cm), chất liệu Polyurethane hoặc tương đương, chống nước, kích cỡ các lỗ ≤ 600 micron; - Tối thiểu ≥ 02 băng dán cố định chống kích ứng da;; - 01 dây dẫn có công nghệ tự làm sạch có 1 đường hút chính và 4 đường lỗ nhỏ trong thành dây dẫn; đầu nối tích hợp công nghệ hút có cảm ứng chống tắc, có các rãnh định hướng dịch và 2 cổng cảm ứng phát hiện tắc, có kẹp ống khoá dẫn; - 01 thước giấy đo kích thước vết thương và ghi ngày giờ bắt đầu sử dụng.	
80	Bộ xốp dùng cho điều trị vết thương bằng áp lực âm (cỡ lớn)	Bộ	10 bộ/Hộp	10	Bao gồm: - 01 miếng xốp dạng mắt lưới hoặc tương đương kích thước 26x15x3.0cm (± 0.5cm), chất liệu Polyurethane hoặc tương đương, chống nước, kích cỡ các lỗ ≤ 600 micron; - Tối thiểu ≥ 02 băng dán cố định chống kích ứng da; - 01 dây dẫn có công nghệ tự làm sạch có 1 đường hút chính và 4 đường lỗ nhỏ trong thành dây dẫn; đầu nối tích hợp công nghệ hút có cảm ứng chống tắc, có các rãnh định hướng dịch và 2 cổng cảm ứng phát hiện tắc, có kẹp ống khoá dẫn; - 01 thước giấy đo kích thước vết thương và ghi ngày giờ bắt đầu sử dụng.	
81	Bình chứa dịch vết thương 500ml	Bộ	10 bộ/Hộp	160	Bình chứa dịch kín, dung tích khoảng 500ml, có gel cô đặc dịch, dây hút có 1 đường hút chính và 4 đường lỗ nhỏ trong thành dây dẫn, có đầu nối với máy và miếng xốp hút, có kẹp ống khoá dẫn.	
82	Khay dẫn dịch tưới rửa dùng cho điều trị vết thương bằng áp lực âm.	Bộ	5 bộ/Hộp	65	Bao gồm: - 01 hộp cát xét có 1 đầu nối vào bình đựng dung dịch rửa vết thương, 1 đầu nối vào máy hút dịch kèm tưới rửa và đầu nối có nắp khoảng 38mm(± 2cm).	

83	Bộ xốp dùng trong điều trị vết thương bằng áp lực âm có tưới rửa (cỡ nhỏ)	Bộ	5 bộ /Hộp	30	Bao gồm: - Tối thiểu ≥ 02 miếng xốp mắt lưới hoặc tương đương kích thước $11 \times 8 \times 1.8\text{cm} (\pm 0.5\text{cm})$, chất liệu Polyurethane hoặc tương đương, chống nước, kích cỡ các lỗ ≤ 600 micron; ≥ 02 băng dán cố định chống kích ứng da; ≥ 01 miếng dán đánh dấu bọt ≥ 01 miếng lau không dính - 01 dây dẫn đôi có công nghệ tự làm sạch, 01 dây hút có 1 đường hút chính và 4 đường hút nhỏ trong thành dây dẫn + 01 dây truyền, đầu miếng dán hút tích hợp công nghệ hút có cảm ứng chống tắc, cấu tạo có các rãnh định hướng dịch và 2 cổng cảm ứng phát hiện tắc, có kẹp ống khoá dẫn; - 01 thước giấy đo kích thước vết thương và ghi ngày giờ bắt đầu sử dụng.	
84	Bộ xốp dùng trong điều trị vết thương bằng áp lực âm có tưới rửa (cỡ vừa)	Bộ	5 bộ /Hộp	20	Bao gồm: - Tối thiểu ≥ 02 miếng xốp mắt lưới hoặc tương đương kích thước khoảng $17 \times 15 \times 1.8\text{cm} (\pm 0.5\text{cm})$, chất liệu Polyurethane hoặc tương đương, chống nước, kích cỡ các lỗ ≤ 600 micron; ≥ 03 băng dán cố định chống kích ứng da; ≥ 01 miếng dán đánh dấu bọt ≥ 02 miếng lau không dính - 01 dây dẫn đôi có công nghệ tự làm sạch gồm 01 dây hút có 1 đường hút chính và 4 đường hút nhỏ trong thành dây dẫn - 01 dây truyền, đầu miếng dán hút tích hợp công nghệ hút có cảm ứng chống tắc, cấu tạo có các rãnh định hướng dịch và 2 cổng cảm ứng phát hiện tắc, có kẹp ống khoá dẫn; - 01 thước giấy đo kích thước vết thương và ghi ngày giờ bắt đầu sử dụng.	
85	Bộ xốp dùng trong điều trị vết thương bằng áp lực âm có tưới rửa (3 lớp dạng tổ ong-cỡ vừa)	Bộ	5 bộ /Hộp	10	Bao gồm: - Miếng xốp ≥ 3 lớp có lớp dưới cùng đục lỗ, 2 lớp trên dạng mắt lưới hoặc tương đương kích thước $18 \times 12.5 \times (0.8 \text{ đến } 1.6)\text{cm} (\pm 0.5\text{cm})$, chất liệu Polyurethane hoặc tương đương, chống nước, kích cỡ các lỗ ≤ 600 micron; ≥ 04 băng dán cố định chống kích ứng da; ≥ 04 miếng lau không dính - 01 dây dẫn đôi có công nghệ tự làm sạch, 01 dây hút có 1 đường hút chính và 4 đường hút nhỏ trong thành dây dẫn + 01 dây truyền dịch, đầu	

					nối tích hợp công nghệ hút có cảm ứng chống tắc, có các rãnh định hướng dịch và 2 cổng cảm ứng phát hiện tắc, có kẹp ống khoá dẫn; - 01 thước giấy đo kích thước vết thương và ghi ngày giờ bắt đầu sử dụng.	
86	Bộ băng xấp dính thấm hút dành cho vết thương mở bụng	Bộ	5 bộ /Hộp	5	Bao gồm: - 01 miếng che phủ nội tạng cấu tạo màng polyurethan hoặc tương đương với 3 dây bột polyurethan hoặc tương đương bắt chéo phủ tới đáy ổ bụng - 02 miếng xấp đục lỗ cấu tạo bột Ether polyurethane hoặc tương đương tiếp xúc trực tiếp với bột nổi đáy ổ bụng - 04 miếng băng dán cố định chống kích ứng da - 01 dây dẫn có công nghệ tự làm sạch có 1 đường hút chính và 4 đường lỗ nhỏ trong thành dây dẫn; đầu nối tích hợp công nghệ hút có cảm ứng chống tắc, có các rãnh định hướng dịch và 2 cổng cảm ứng phát hiện tắc, có kẹp ống khoá dẫn;	
87	Que thử nước tiểu	test	100 test/ Hộp	200.000	Thành phần: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose (LEU/ NIT/ URO/ PRO/ pH/ BLO/ SG/ KET/ BIL/ GLU). Tương thích và sử dụng được cho máy xét nghiệm nước tiểu Mission U120.	
88	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương quay trái/ phải các cỡ	Cái	Cái/ Túi	50	- Chất liệu Titanium hoặc tương đương - Dày 2mm(± 0.05 mm) x rộng 22mm(± 0.5 mm) hoặc cỡ dày 2.3mm(± 0.05 mm) x rộng 25.5mm(± 0.5 mm) - Số lỗ đầu 7 lỗ, số lỗ thân từ 2-5 lỗ tương ứng dài từ ≤ 54 mm đến ≥ 81 mm, trái/phải riêng biệt - Sử dụng với vít khóa đa hướng. vít khóa và vít thường đường kính vít 2.4 mm (± 0.05 mm) hoặc 2.7mm(± 0.05 mm)	
89	Vít khóa đa hướng 2.7mm, dài 6 - 40mm, cho nẹp khóa đa hướng.	Cái	Cái/ Túi	200	- Chất liệu Titanium Alloy hoặc tương đương - Vít khóa đa hướng, biên độ 10 độ - Đường kính ren khoảng: 2.7mm (± 0.05 mm) - Đường kính thân khoảng: 2.1mm(± 0.05 mm) - Độ dài từ ≤ 6 mm đến ≥ 40 mm	
90	Vít khóa đường kính 2.7mm, dài 10 - 40mm, dùng cho nẹp khóa đa hướng, tự taro các loại.	Cái	Cái/ Túi	150	- Chất liệu Titanium Alloy hoặc tương đương - Đường kính ren khoảng : 2.7mm(± 0.05 mm) - Đường kính thân khoảng : 2.1mm(± 0.05 mm) - Độ dài từ ≤ 6 mm đến ≥ 60 mm	

91	Vít xương cứng đường kính 2.7mm, dài 6 - 60mm, toàn ren, tự taro.	Cái	Cái/ Túi	100	- Chất liệu Titanium Alloy hoặc tương đương - Đường kính ren khoảng : 2.7mm($\pm$ 0.05mm) - Đường kính thân khoảng : 1.9mm($\pm$ 0.05mm) - Độ dài từ ≤ 6 đến ≥ 40mm	
92	Dung dịch làm sạch vết thương và ngăn ngừa hình thành màng sinh học	Chai	Chai 350 ml	100	Dung dịch trong suốt có chứa chất kháng khuẩn polihexanide 0.1% ($\pm$ 0.05%) hoặc tương đương và betaine hoặc tương đương . Làm sạch vết thương, loại bỏ và ngăn ngừa hình thành màng biofilm. Không đau, không gây ức chế mô hạt hoặc biểu mô hóa.	
93	Gel làm mềm vết thương	Tuýp	Tuýp 50g	50	Gel dạng đặc có độ nhớt cao, sát khuẩn và làm mềm vết thương, trong suốt có chứa polihexanide 0.1% ($\pm$ 0.05%) hoặc tương đương và betaine hoặc tương đương, hydroxyethylcellulose hoặc tương đương và glycerol hoặc tương đương. Giúp làm sạch, làm ẩm vết thương, loại bỏ biofilm và ngăn ngừa hình thành màng biofilm. Không gây kích ứng và dung nạp tốt, không đau, không gây ức chế mô hạt hoặc biểu mô hóa.	
94	Kim thử đường huyết	Cái	100 cái/hộp	20.000	- Loại bút chích máu phù hợp: On Call Plus, On Call EZ, On Call EZII - Lượng mẫu máu lấy: 1.0μL - Điều kiện bảo quản: +2~30°C	
95	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ	Cái	Cái / Túi	20	Chất liệu: nhựa PEEK hoặc tương đương Chiều rộng: 12.5mm($\pm$ 0.05mm); chiều dài có 2 loại 14mm và 16mm Chiều cao từ: ≤ 5 mm đến ≥ 10 mm tối thiểu 6 cỡ Có điểm cản quang	
96	Vật liệu xương cấy ghép nhân tạo	Cái	Cái / Túi	40	Thành phần Nanohydroapatite với 39% ($\pm$ 5%) HA, đóng tiết trùng. Bột xương là loại bơm trực tiếp, có độ nhớt cao, thể tích 2cc ($\pm$ 0.05cc)	
97	Vít khóa xương cứng đường kính 3.5mm, chất liệu titanium	Cái	Cái / Túi	850	- Chất liệu titanium hoặc tương đương, đường kính thân vít 4.5mm ($\pm$0.05mm); chiều dài vít từ 22mm đến 70mm, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác - Đường kính mũ vít 8.0mm($\pm$0.05mm), chiều cao mũ vít 4.5mm($\pm$0.05mm)	

98	Vít xương cứng đường kính 3.5mm, chất liệu titanium	Cái	Cái / Túi	150	- Chất liệu titanium hoặc tương đương, đường kính thân vít 4.5mm(± 0.05 mm); chiều dài vít từ 22mm đến 70mm, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác - Đường kính mũ vít 8.0mm(± 0.05 mm), chiều cao mũ vít 4.5mm(± 0.05 mm)	
99	Vít khóa xương cứng đường kính 5.0mm, chất liệu titanium	Cái	Cái / Túi	1,150	- Chất liệu titanium hoặc tương đương, đường kính thân vít 4.5mm(± 0.05 mm); chiều dài vít từ 22mm đến 70mm, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác - Đường kính mũ vít 8.0mm(± 0.05 mm), chiều cao mũ vít 4.5mm(± 0.05 mm)	
100	Vít khóa xương cứng đường kính 2.7 mm, chất liệu titanium	Cái	Cái / Túi	250	- Chất liệu titanium hoặc tương đương, đường kính thân vít 4.5mm(± 0.05 mm); chiều dài vít từ 22mm đến 70mm, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác - Đường kính mũ vít 8.0mm(± 0.05 mm), chiều cao mũ vít 4.5mm(± 0.05 mm)	
101	Vít xương cứng đường kính 4.5mm, chất liệu titanium	Cái	Cái / Túi	150	- Chất liệu titanium hoặc tương đương, đường kính thân vít 4.5mm(± 0.05 mm); chiều dài vít từ 22mm đến 70mm, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác - Đường kính mũ vít 8.0mm(± 0.05 mm), chiều cao mũ vít 4.5mm(± 0.05 mm)	
102	Kính chống tia phản xạ	Cái	Cái / Túi	5	Tương thích với máy tán sỏi laser Model: Multipulse Hoplus.	
103	Lưỡi bào mô cho máy laser.	Cái	Cái / Túi	20	Lưỡi bào mô cho máy Laser: - Lưỡi bào mô loại dùng nhiều lần. - Đường kính cỡ 15Fr. - Chiều dài 350mm (± 5 mm) mm và 400 mm(± 5 mm) - Tương thích với máy tán sỏi laser Model: Multipulse Hoplus.	
104	Dây hút dịch loại dùng một lần	Cái	Cái / Túi	50	Bộ dây tưới hút dịch tương thích dùng với máy bơm hút tích hợp trên máy tán sỏi Multipulse Hoplus.	
105	Bộ lọc bệnh phẩm cho dây hút dịch, loại dùng một lần	Bộ	Cái / Túi	40	Bộ lọc bệnh phẩm tương thích dùng với máy bơm hút tích hợp trên máy tán sỏi Multipulse Hoplus.	

106	Gương phản xạ HR	Cái	Cái / Túi	2	- Hướng phản xạ 0 độ - Dùng với tia Laser có bước sóng từ 2060-2140 mm - Đường kính gương khoảng 12.7 mm (± 0.5mm) - Tương thích với máy tán sỏi laser Model: Multipulse Hoplus.	
107	Gương phản xạ PR	Cái	Cái / Túi	2	- Hướng phản xạ 0 độ - Dùng với tia Laser có bước sóng từ 2060-2140 mm - Đường kính gương khoảng 12.7 mm (± 0.5mm) - Tương thích với máy tán sỏi laser Model: Multipulse Hoplus.	
108	Dây nước tán sỏi qua da đầu sắt	Cái	Cái / Túi	20	Bộ dây tưới dịch phẫu thuật Bàng Quang - Loại 2 nhánh tưới, chiều dài khoảng 30 cm. - Dây tưới chính dài khoảng ≥ 150 cm - Có buồng nhỏ giọt, con lăn chỉnh lưu lượng	
109	Băng dính cá nhân y tế UGOTANA	Hộp	Hộp 102 miếng	3.000	- Lớp nền: Vải Viscose và Polyamide, có độ co giãn tốt, không thấm nước. - Kích thước 19mm x 72mm (± 0.5mm) - Gạc: Màu trắng, phủ lớp lưới Polyethylene không gây dính. - Keo: Oxyd kẽm, không dùng dung môi.	
110	Đầu nối an toàn không kim	Cái	100 cái/ thùng	500	- Đường dẫn dịch tương đương với cỡ kim 18G . - Đầu kết nối xoắn chịu được tiêm truyền áp lực cao lên tới ≥ 325 psi, - Tốc độ dòng chảy ≥ 10ml/giây, - Thể tích mỗi ≤ 0.1ml - Kích thước đầu nối ≥ 3cm Chất liệu: Polyurethane, Acrylic, Silicone Rubber, Polyethylene hoặc tương đương Không DEHP, chịu được Lipid và tương thích cao với các chất hóa học Sử dụng được ≥ 7 ngày hoặc ≥ 200 lần kết nối	

111	Bộ dây nối đường truyền tĩnh mạch có 1 đầu nối an toàn không kim áp lực cao	Cái	100 cái/ thùng	500	Bộ dây nối đường truyền tĩnh mạch có 1 đầu nối an toàn không kim dài $\geq 16\text{cm}$ - Chiều dài phần dây nối: $10\text{cm}(\pm 0.5\text{cm})$ - Áp lực tiêm truyền $\geq 325\text{ PSI}$ - Tốc độ dòng chảy $\geq 10\text{ml/giây}$ - Thể tích đuôi khí: $\leq 0.13\text{ml}$ - Đường kính trong dây nối: $1\text{mm}(\pm 0.05\text{mm})$ - Đường kính ngoài dây nối: $2.1\text{mm}(\pm 0.05\text{mm})$ - Thời gian lưu: ≥ 7 ngày - Thành phần chất liệu: Acrylic, Polyurethane, Silicone, dây nối chất liệu PVC hoặc tương đương - Không chứa chất gây hại như DEHP, latex. - Tiệt khuẩn: EO hoặc tương đương - Đường kính dòng chảy tương đương kim 18G	
112	Bộ dây nối đường truyền tĩnh mạch có 2 đầu nối an toàn không kim áp lực cao	Cái	100 cái/ thùng	500	Bộ dây nối đường truyền tĩnh mạch có 2 đầu nối an toàn không kim dài $\geq 24\text{cm}$ - Chiều dài phần dây nối: $17.5\text{cm}(\pm 0.5\text{cm})$ - Áp lực tiêm truyền $\geq 325\text{ PSI}$ - Thể tích đuôi khí: $\leq 0.4\text{ml}$ - Đường kính trong dây nối: $1\text{mm}(\pm 0.05\text{mm})$ - Đường kính ngoài dây nối: $2.1\text{mm}(\pm 0.05\text{mm})$ - Thời gian lưu: ≥ 7 ngày - Thành phần chất liệu: Acrylic, Polyurethane, Silicone, dây nối chất liệu PVC hoặc tương đương - Không chứa chất gây hại như DEHP, latex.. - Tiệt khuẩn: EO hoặc tương đương - Đường kính dòng chảy tương đương kim 18G	
113	Bộ dây nối đường truyền tĩnh mạch có 3 đầu nối an toàn không kim áp lực cao	Cái	100 cái/ thùng	500	Bộ dây nối đường truyền tĩnh mạch có 3 đầu nối an toàn không kim dài $\geq 14\text{cm}$ - Chiều dài phần dây nối: $7.5\text{cm}(\pm 0.5\text{cm})$ - Áp lực tiêm truyền $\geq 325\text{ PSI}$ - Thể tích đuôi khí: $\leq 0.51\text{ml}$ - Đường kính trong dây nối: $1\text{mm}(\pm 0.05\text{mm})$ - Đường kính ngoài dây nối: $2.1\text{mm}(\pm 0.05\text{mm})$ - Thời gian lưu tối đa: ≥ 7 ngày - Đường kính dòng chảy tương đương kim 18G	

					- Thành phần chất liệu: Acrylic, Polyurethane, Silicone, dây nối chất liệu PVC hoặc tương đương - Không chứa chất gây hại như DEHP, latex. - Tiệt khuẩn: EO hoặc tương đương - Đường kính dòng chảy tương đương kim 18G	
114	Bộ dây truyền dịch an toàn có đầu nối không kim và tự động đuổi khí	Cái	100 cái/thùng	500	Bộ dây truyền dịch an toàn tích hợp sẵn đầu nối không kim tổng chiều dài $\geq 185\text{cm}$, - Chiều dài dây dẫn $175\text{cm}(\pm 0.5\text{cm})$. - Đường kính trong dây $3\text{ mm}(\pm 0.05\text{mm})$; đường kính ngoài $4\text{ mm}(\pm 0.05\text{mm})$, - Chịu áp lực $\geq 2\text{ bar}$. - Có bầu đếm giọt với màng lọc nằm ở đáy bầu đếm giọt để ngăn ngừa sự hình thành bọt khí trong dây truyền - Tự ngưng khi hết dịch, khóa kẹp, khóa con lăn và đầu kết nối xoắn . - Nắp đậy đuổi khí tự động kết hợp màng lọc kích thước $\leq 1.2\mu\text{m}$. Chất liệu PVC hoặc tương đương, Không có chất phụ gia DEHP, Latex,	
115	Túi đặt ngực loại tròn, bề mặt trơn, độ nhô trung bình các cỡ	cái	Cái / Hộp	20	- Gel siêu kết dính được bơm đầy 100% - Vỏ túi bằng Silicon hoặc tương đương ≥ 4 lớp: 2 lớp elastomer hoặc tương đương, 1 lớp adhesive hoặc tương đương, và 1 lớp vỏ hạn chế khuếch tán gel qua bề mặt vỏ túi... - Bề mặt trơn trong suốt, hình dạng tròn. - Túi được tiệt trùng bằng nhiệt độ khô. - Kích thước các cỡ trong khoảng: + Dung tích từ 255 cc đến 430 cc + Đường kính từ 11 cm đến 13.1 cm + Độ nhô từ 3.9 cm đến 4.6 cm	
116	Túi đặt ngực loại tròn, bề mặt nhám, độ nhô cao các cỡ	cái	Cái / Hộp	30	- Gel siêu kết dính được bơm đầy 100% - Vỏ túi bằng Silicon hoặc tương đương ≥ 5 lớp : 2 lớp elastomer hoặc tương đương, 1 lớp adhesive hoặc tương đương, 1 lớp vỏ hạn chế khuếch tán gel qua bề mặt vỏ túi và 1 lớp vỏ nhám... - Túi được tiệt trùng bằng nhiệt độ khô - Kích thước các cỡ trong khoảng: + Dung tích từ 240 cc đến 425cc + Đường kính từ 10 cm đến 12.4 cm + Độ nhô từ 4.4 cm đến 5.1 cm.	

117	Túi đặt ngực loại tròn, bề mặt nhám mịn, độ nhô trung bình các cỡ	cái	Cái / Hộp	30	- Gel có độ kết dính cao và được phủ đầy 100% - Vỏ túi bằng Silicon hoặc tương đương, có lớp rào chắn 360° ngăn khếch tán gel ra ngoài. - Khả năng kéo giãn tối đa của lớp vỏ $\geq 600\%$ - Bề mặt vỏ túi nhám mịn tương thích sinh học cao, hình dạng tròn. - Túi được tiệt trùng bằng nhiệt độ khô - Kích thước các cỡ trong khoảng: + Dung tích từ 220 cc đến 480 cc + Đường kính từ 10.3 cm đến 13.4 cm + Độ nhô từ 3.8 cm đến 4.9cm	
118	Túi đặt ngực loại tròn, bề mặt nhám mịn, độ nhô cao các cỡ	cái	Cái / Hộp	20	- Gel có độ kết dính cao và được phủ đầy 100% - Vỏ túi bằng Silicon hoặc tương đương, có lớp rào chắn 360° ngăn khếch tán gel ra ngoài - Khả năng kéo giãn tối đa của lớp vỏ $\geq 600\%$ - Bề mặt vỏ túi nhám mịn tương thích sinh học cao, hình dạng tròn. - Túi được tiệt trùng bằng nhiệt độ khô - Kích thước các cỡ trong khoảng: + Dung tích từ 210cc đến 460 cc + Đường kính từ 9.3 cm đến 12.4 cm + Độ nhô từ 4.3 cm đến 5.4cm.	
119	Thanh nâng ngực 2 cạnh có khía các cỡ	Chiếc	Chiếc / Hộp	10		

Phụ lục 2 - Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Thông số kỹ thuật	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Thành tiền (đã bao gồm Thuế, phí, lệ phí (nếu có)) ⁽⁹⁾ (VND)
1	Vật tư Thiết Bị A								
2	Vật tư Thiết Bị B								
n	...								

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày, kể từ ngày tháng ... năm 2024 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm...[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.